

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy – Quý III/2012

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy;

Căn cứ kết quả học tập của học sinh các lớp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khoa Cơ khí, Kế toán Tài chính, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin và Trung tâm nghiên cứu & phát triển công nghệ phần mềm đào tạo tại Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường các khoa Cơ khí, Kế toán Tài chính, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin, Giám đốc Trung tâm NC & PTCN phần mềm, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy cho 207 học sinh vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	K48 2006-2008	K49 2007-2009	K50 2008-2010	K51 2009-2011	K52 2010-2012	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	-	-	02	-	01	03
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	03	-	04	07
3	Đồ họa máy tính	-	01	-	-	-	01
4	Thiết kế và quản lý web	-	-	03	-	-	03
5	Hệ thống mạng máy tính	-	-	02	03	-	05
6	Quản trị mạng máy tính	-	-	-	-	04	04
7	Tin học-kế toán	-	-	06	-	-	06
8	Công nghệ thực phẩm	-	-	09	16	11	36
9	Kế toán-tin học	03	-	21	72	-	96
10	Kế toán doanh nghiệp	-	-	-	-	46	46

Điều 2. Trưởng khoa, phòng, trung tâm liên quan và học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu Văn thư, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Hùng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỐT NGHIỆP - QUÝ III NĂM 2012

Đã được quyết định số: 1113 /QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 08 năm 2012

NHA TRƯỜNG Đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50170897	Đặng Nam	Trang	Nam	21/09/90	Hà Nội	TB Khá	TCT50
2	50171091	Nguyễn Lê Hoàng	Vũ	Nam	01/12/89	Khánh Hoà	TB Khá	TCT50
3	52170081	Lê Vũ Hoài	Duy	Nam	18/06/92	Khánh Hòa	TB Khá	TCT52

Danh sách có 03 học sinh

2. Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50170052	Nguyễn Văn	Châu	Nam	20/11/89	Ninh Thuận	Khá	TCD50
2	50170415	Nguyễn Thành	Long	Nam	20/08/90	Khánh Hoà	TB Khá	TCD50
3	50171024	Đặng Thương	Tín	Nam	09/09/90	Phú Yên	TB Khá	TCD50
4	52170008	Trần Ngọc	Duy	Nam	02/06/92	Khánh Hòa	Khá	TCD52
5	52170014	Nguyễn Đình	Hải	Nam	23/03/91	Khánh Hòa	Khá	TCD52
6	52170026	Nguyễn Công	Lộc	Nam	15/07/91	Khánh Hòa	TB Khá	TCD52
7	52170044	Phạm Hùng	Sơn	Nam	06/09/92	Khánh Hòa	Khá	TCD52

Danh sách có 07 học sinh

3. Ngành Đồ họa máy tính

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	49TH266	Nguyễn Duy	Long	Nam	09/07/88	Khánh Hòa	TB Khá	TDH49-PM

Danh sách có 01 học sinh

4. Ngành Thiết kế và quản lý web

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50170264	Trần Văn	Hải	Nam	08/01/90	Đắc Lắc	Trung bình	TWE50
2	50170329	Nguyễn Xuân	Khanh	Nam	23/01/90	Khánh Hoà	TB Khá	TWE50
3	50170983	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	19/08/90	Khánh Hoà	Khá	TWE50

Danh sách có 03 học sinh

5. Ngành Hệ thống mạng máy tính

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50171112	Nguyễn Văn	Diễn	Nam	09/12/90	Khánh Hoà	Trung bình	TMA50
2	50170940	Võ Quang	Trường	Nam	30/10/84	Quảng Trị	TB Khá	TMA50
3	51170109	Trương Thị Thanh	Hoa	Nữ	24/12/91	Khánh Hòa	Khá	TMA51
4	51170253	Lê	Lành	Nam	24/07/91	Khánh Hòa	TB Khá	TMA51
5	51170633	Ngô Lê Trường	Tài	Nam	13/11/91	Khánh Hòa	Trung bình	TMA51

Danh sách có 05 học sinh

6. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	52170614	Nguyễn Ngọc Hiên	Nam	09/03/92	Phú Yên	Khá	TMA52
2	52170632	Huỳnh Hoài Nam	Nam	20/08/92	Ninh Thuận	TB Khá	TMA52
3	52170644	Nguyễn Văn Quân	Nam	20/11/92	Phú Yên	Khá	TMA52
4	52170666	Phan Minh Tuấn	Nam	20/12/92	Khánh Hòa	Giỏi	TMA52

Danh sách có 04 học sinh

7. Ngành Tin học - Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50171138	Nguyễn Thị Tuyết Ái	Nữ	10/07/89	Khánh Hòa	Khá	TTH50
2	50170402	Nguyễn Thị Kim Loan	Nữ	25/06/90	Khánh Hòa	TB Khá	TTH50
3	50170697	Nguyễn Văn Sơn	Nam	09/06/05	Bến Tre	TB Khá	TTH50
4	50170986	Bùi Thị Khánh Tâm	Nữ	05/07/82	Khánh Hòa	Khá	TTH50
5	50171168	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	27/09/89	Khánh Hòa	Khá	TTH50
6	50170888	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	13/02/89	Khánh Hòa	TB Khá	TTH50

Danh sách có 06 học sinh

8. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	50170092	Phạm Thị Mỹ Diệu	Nữ	02/05/89	Khánh Hòa	Trung bình	TTP50
2	50170141	Trịnh Thị Giang	Nữ	28/04/90	Thanh Hóa	TB Khá	TTP50
3	50170205	Nguyễn Việt Huy	Nam	06/07/88	Phú Yên	TB Khá	TTP50
4	50170408	Ngô Thị Kim Loan	Nữ	11/06/90	Khánh Hòa	Trung bình	TTP50
5	50170565	Nguyễn Duy Nhân	Nam	23/06/90	Quảng Ngãi	Trung bình	TTP50
6	50170622	Trần Đình Quỳnh Phương	Nam	15/01/87	Quảng Trị	TB Khá	TTP50
7	50170776	Nguyễn Đình Thành	Nam	20/02/90	Quảng Nam	Trung bình	TTP50
8	50170803	Đoàn Thị Phương Thảo	Nữ	22/02/90	Khánh Hòa	TB Khá	TTP50
9	50171090	Nguyễn Hoàng Linh Vũ	Nam	08/09/90	Khánh Hòa	Trung bình	TTP50
10	51170042	Dương Hữu Chí	Nam	16/02/89	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
11	51170054	Nguyễn Thị Mỹ Dang	Nữ	09/11/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
12	51170085	Nguyễn Nữ Huyền Giang	Nữ	17/09/90	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
13	51170127	Phan Thị Thanh Huyền	Nữ	01/05/92	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
14	51170197	Hồ Thị Bảo Khánh	Nữ	30/05/89	Khánh Hòa	Trung bình	TTP51
15	51170210	Lê Thị Lan	Nữ	04/03/90	Quảng Trị	TB Khá	TTP51
16	51170246	Nguyễn Trung Lâm	Nam	21/01/90	Khánh Hòa	Khá	TTP51
17	51170265	Nguyễn Trần Trúc Mai	Nữ	30/07/90	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
18	51170294	Trần Lợi Nam	Nam	10/08/85	Khánh Hòa	Trung bình	TTP51
19	51170321	Lê Thị Thúy Ngân	Nữ	06/09/91	Bình Định	TB Khá	TTP51
20	51170349	Lê Ngọc Nhân	Nam	04/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
21	51170385	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	04/06/91	Phú Yên	TB Khá	TTP51
22	51170379	Nguyễn Thị Y Phương	Nữ	12/05/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51

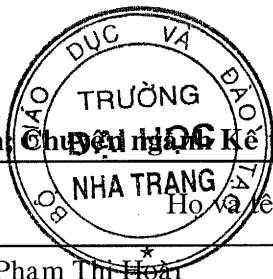
8. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
23	51170436	Văn Tấn Sĩ	Nam	08/03/91	Phú Yên	TB Khá	TTP51
24	51170503	Lê Văn Thời	Nam	19/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
25	51170721	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	18/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP51
26	52170685	Huỳnh Thị Minh Châu	Nữ	01/12/92	Khánh Hòa	Khá	TTP52
27	52170684	Nguyễn Thị Diễm Chinh	Nữ	12/08/92	Khánh Hòa	Khá	TTP52
28	52170692	Đặng Nữ Hoàng Dung	Nữ	01/11/92	Khánh Hòa	Khá	TTP52
29	52170780	Ngô Thị Trang Đài	Nữ	20/02/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP52
30	52170708	Vũ Văn Hà	Nam	01/03/92	Thái Bình	Khá	TTP52
31	52170702	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Nữ	07/03/91	Khánh Hòa	TB Khá	TTP52
32	52170723	Nguyễn Phi Long	Nam	29/03/91	Phú Yên	TB Khá	TTP52
33	52170730	Hồ Nguyên Ngọc	Nữ	19/03/92	Đắk Lắk	Khá	TTP52
34	52170734	Phạm Thị Đăng Phương	Nữ	29/05/92	Khánh Hòa	TB Khá	TTP52
35	52170767	Lương Văn Tài	Nam	30/07/88	Khánh Hòa	TB Khá	TTP52
36	52170750	Nguyễn Kim Thạch	Nam	16/01/85	Khánh Hòa	Khá	TTP52

Danh sách có 36 học sinh

9. Ngành Kế toán; Chuyên ngành Kế toán - tin học

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	48176244	Lại Thị Cẩm Vân	Nữ	21/03/88	Khánh Hòa	Trung bình	TDN48-1
2	48176029	Võ Hoàng Châu	Nữ	09/08/88	Khánh Hòa	TB Khá	TDN48-1
3	48176051	Đinh Thị Mỹ Hằng	Nữ	27/08/87	Khánh Hòa	Trung bình	TDN48-1
4	50170226	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	22/02/90	Phú Yên	TB Khá	TDN50-2
5	50170426	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	09/10/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-2
6	50170495	Lê Thị Na	Nữ	10/01/89	Nghệ An	TB Khá	TDN50-2
7	50170605	Lê Hoàng Uyên Phương	Nữ	07/10/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-2
8	50170029	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	19/12/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-3
9	50170256	Trần Mạnh Hà	Nam	23/05/90	Khánh Hòa	Trung bình	TDN50-3
10	50170970	Võ Thị Kim Tuyền	Nữ	03/08/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-3
11	50170486	Đinh Thị Trà My	Nữ	12/04/89	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-4
12	50170571	Nguyễn Thụy Quỳnh Như	Nữ	18/06/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-4
13	50170677	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	Nữ	18/07/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-4
14	50170019	Phan Thị Bảo	Nữ	09/03/90	Khánh Hòa	Trung bình	TDN50-5
15	50170097	Nguyễn Thị Hoài Dung	Nữ	20/03/90	Hà Tĩnh	TB Khá	TDN50-5
16	50170146	Hồ Thị Thanh Hiền	Nữ	16/04/90	Khánh Hòa	Trung bình	TDN50-5
17	50170241	Phạm Thị Hương	Nữ	21/08/90	Hà Nội	TB Khá	TDN50-5
18	50170851	Đặng Thị Ngọc Thúy	Nữ	11/05/89	Khánh Hòa	Trung bình	TDN50-5
19	50170973	Trần Dương Kim Tuyền	Nữ	15/11/89	Khánh Hòa	Trung bình	TDN50-5
20	50170328	Bùi Thị Thục Khanh	Nữ	05/11/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-6
21	50170371	Huỳnh Hữu Yến Linh	Nữ	30/03/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN50-6
22	50170388	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	14/11/90	Tp Hải Phòng	Trung bình	TDN50-6



9. Ngành Kế toán: Chuyên ngành Kế toán - tin học

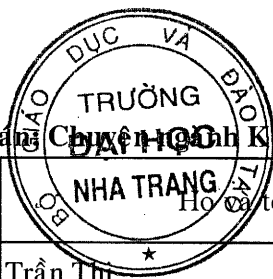
TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
23	50170746	Phạm Thị Hoàn	Thu	Nữ	20/11/89	Phú Thọ	TB Khá	TDN50-6
24	50170975	Lê Thị Bạch	Tuyết	Nữ	02/07/89	Bình Định	TB Khá	TDN50-6
25	51170002	Hồ Thị Yến	Anh	Nữ	13/11/91	Đắk Lắk	TB Khá	TDN51-1
26	51170017	Lương Thị Trọng	Biên	Nữ	03/05/90	Phú Yên	TB Khá	TDN51-1
27	51170034	Lê Thị Bảo	Châu	Nữ	19/01/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-1
28	51170763	Trần Thị Kim	Chung	Nữ	08/02/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
29	51170087	Hoàng Đỗ Như	Hiên	Nữ	19/04/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
30	51170114	Nguyễn Diệu	Hoàng	Nữ	19/11/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-1
31	51170136	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	28/08/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
32	51170199	Nguyễn Thị Mai	Khánh	Nữ	30/01/90	Đắk Lắk	Trung bình	TDN51-1
33	51170325	Nguyễn Trinh Nguyên	Ngân	Nữ	16/07/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
34	51170400	Trần Lâm	Phúc	Nam	07/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-1
35	51170494	Bùi Thị Hồng	Thắm	Nữ	20/10/91	Khánh Hòa	Khá	TDN51-1
36	51170507	Phạm Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	03/11/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
37	51170565	Nguyễn Thị Ngọc	Triều	Nữ	08/11/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
38	51170559	Mai Thị Hoài	Trinh	Nữ	22/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
39	51170587	Lương Lê Minh	Trí	Nữ	20/08/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-1
40	51170573	Đoàn Đông	Trung	Nam	16/03/90	Phú Yên	Trung bình	TDN51-1
41	51170016	Hoàng Ngọc	Bin	Nam	17/01/91	Khánh Hòa	Khá	TDN51-2
42	51170056	Trần Thị Thúy	Diễm	Nữ	25/04/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
43	51170060	Lâm Thị Ngọc	Diệu	Nữ	23/06/91	Ninh Thuận	Trung bình	TDN51-2
44	51170169	Đặng Thị Xuân	Hằng	Nữ	09/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
45	51170139	Trịnh Thị	Hương	Nữ	27/02/91	Nam Định	TB Khá	TDN51-2
46	51170248	Đoàn Nguyễn Thị Trúc	Lâm	Nữ	01/12/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
47	51170219	Đỗ Minh	Liên	Nam	05/04/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
48	51170225	Trương Thị Kim	Liên	Nữ	10/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
49	51170264	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	14/05/91	Ninh Bình	TB Khá	TDN51-2
50	51170297	Lê Thị	Nga	Nữ	12/12/91	Thanh Hóa	TB Khá	TDN51-2
51	51170366	Phan Thị Tố	Oanh	Nữ	20/05/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-2
52	51170004	Lương Thị Kim	Anh	Nữ	26/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
53	51170728	Võ Thị Quỳnh	Châu	Nữ	26/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
54	51170029	Dương Văn	Chiến	Nam	20/08/90	Bình Định	TB Khá	TDN51-3
55	51170076	Hình Ích	Dân	Nam	19/11/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
56	51170102	Đặng Thị Hoàng	Hiếu	Nữ	29/04/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
57	51170739	Nguyễn Thị Thúy	Loan	Nữ	28/06/85	Nghệ An	Trung bình	TDN51-3
58	51170240	Nguyễn Thị Sa	Ly	Nữ	04/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
59	51170296	Huỳnh Thái Kiều	Nga	Nữ	06/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
60	51170303	Ngô Thị Bích	Nghĩa	Nữ	12/01/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
61	51170316	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/08/89	Nghệ An	TB Khá	TDN51-3
62	51170350	Lê Thiện	Nhân	Nam	28/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3



9. Ngành Kế toán chuyên ngành Kế toán - tin học

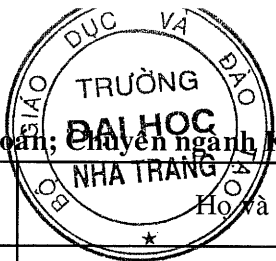
TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
63	51170346	Đỗ Thị ý Nhi	Nữ	12/04/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
64	51170361	Đào Thị Nhịn	Nữ	10/05/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
65	51170365	Nguyễn Thế Tường Oanh	Nữ	19/03/90	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
66	51170505	Lại Thị Thanh Thùy	Nữ	08/12/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
67	51170525	Nguyễn Ngọc Tiên	Nam	02/02/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
68	51170528	Trần Cung Tiến	Nam	11/12/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
69	51170639	Đặng Văn Tĩnh	Nam	01/12/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
70	51170540	Lê Thị Thanh Trang	Nữ	27/10/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
71	51170550	Phạm Thị Minh Trang	Nữ	06/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
72	51170555	Vũ Thùy Trang	Nữ	10/11/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
73	51170575	Võ Thị Thanh Truyền	Nữ	10/03/91	Phú Yên	Trung bình	TDN51-3
74	51170614	Phan Anh Tuấn	Nam	18/03/90	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-3
75	51170676	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	09/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
76	51170686	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	19/02/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-3
77	51170008	Nguyễn Thị Duyên Anh	Nữ	13/03/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
78	51170036	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Nữ	01/01/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
79	51170112	Vũ Thị Thu Hoài	Nữ	28/07/91	Thái Bình	Khá	TDN51-4
80	51170213	Bùi Nhật Linh	Nữ	08/03/90	Phú Yên	TB Khá	TDN51-4
81	51170276	Trương Thị Lệ My	Nữ	01/10/91	Kom Tum	Trung bình	TDN51-4
82	51170289	Nguyễn Thành Nam	Nam	20/12/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
83	51170298	Nguyễn Thị Nga	Nữ	06/06/91	Nghệ An	TB Khá	TDN51-4
84	51170335	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	03/06/89	Thanh Hóa	TB Khá	TDN51-4
85	51170420	Nguyễn Hữu Quốc	Nam	26/04/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
86	51170622	Lê Thanh Tâm	Nam	03/02/91	Phú Yên	TB Khá	TDN51-4
87	51170487	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	27/12/89	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
88	51170496	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	Nữ	02/08/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-4
89	51170443	Lê Thị Diễm Thiện	Nữ	04/04/90	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
90	50170842	Ngô Thị Bích Thủy	Nữ	14/04/85	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-4
91	51170510	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	22/11/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-4
92	51170750	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	19/10/87	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4
93	51170595	Phan Trần Thanh Trúc	Nữ	25/09/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-4
94	51170607	Diệp ánh Tuyết	Nữ	12/05/91	Khánh Hòa	Trung bình	TDN51-4
95	51170671	Diệp Tiểu Vân	Nữ	12/07/91	Ninh Thuận	Trung bình	TDN51-4
96	51170697	Nguyễn Thị Kim YẾN	Nữ	31/05/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN51-4

Danh sách có 96 học sinh



10. Ngành Kế toán Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	52170135	Trần Thị Duyên	Nữ	18/08/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-1
2	52170132	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	01/01/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
3	52170153	Phan Thị Hồng Hảo	Nữ	18/03/92	Khánh Hòa	Trung bình	TDN52-1
4	52170158	Trần Thị Thúy Kiều	Nữ	12/04/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
5	52170175	Nguyễn Thị Tô Ánh Nguyệt	Nữ	20/08/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
6	52170182	Văn Thị Hồng Nhung	Nữ	01/02/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
7	52170190	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Nữ	20/11/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
8	52170193	Lê Thị Ngọc Sen	Nữ	31/01/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
9	52170205	Nguyễn Thị Tô Thẩm	Nữ	27/11/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
10	52170207	Phạm Thanh Khánh Thùy	Nữ	10/11/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-1
11	52170797	Nguyễn Thị Ngọc Ân	Nữ	01/09/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
12	52170245	Nguyễn Thị Tâm Bình	Nữ	03/08/92	Ninh Thuận	TB Khá	TDN52-2
13	51170052	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	09/08/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
14	52170281	Nguyễn Thị Tuyết Loan	Nữ	22/03/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
15	52170289	Phùng Thị Mùi	Nữ	15/04/91	Ninh Bình	TB Khá	TDN52-2
16	52170295	Kiều Thị Thu Nguyệt	Nữ	26/09/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-2
17	52170303	Trần Thị Thanh Nhị	Nữ	01/01/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
18	52170304	Trần Thị Ngọc Nữ	Nữ	14/09/91	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
19	52170310	Ngô Thị Tuyết Qua	Nữ	08/10/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
20	52170315	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	06/10/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-2
21	52170325	Lê Đức Thái	Nam	11/07/91	Khánh Hòa	Khá	TDN52-2
22	52170328	Võ Thị Thùy	Nữ	22/10/91	Quảng Trị	Giỏi	TDN52-2
23	52170321	Vũ Thị Thanh Thư	Nữ	19/01/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
24	52170333	Mai Thị Thùy Trang	Nữ	12/05/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-2
25	52170389	Ngô Thị Xuân Hậu	Nữ	12/01/92	Ninh Thuận	TB Khá	TDN52-3
26	52170412	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	29/11/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-3
27	52170404	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	07/03/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-3
28	52170413	Nguyễn Hoài Yến Nhi	Nữ	10/08/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-3
29	52170416	Nguyễn Thanh Quỳnh Như	Nữ	28/01/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-3
30	52170417	Nguyễn Thị Hằng Ni	Nữ	26/09/91	Ninh Thuận	Khá	TDN52-3
31	52170446	Nguyễn Thị Ngọc Tiến	Nữ	17/02/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-3
32	52170471	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	14/02/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-3
33	52170601	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Nữ	19/02/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-4
34	52170484	Trần Thị Lệ Diễm	Nữ	28/07/91	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4
35	52170485	Phạm Thị Diễm	Nữ	30/10/92	Quảng Ngãi	TB Khá	TDN52-4
36	52170503	Nguyễn Thị Bích Hằng	Nữ	15/09/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4



10. Ngành Kế toán; Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
37	52170493	Hồ Thị	Hoa	Nữ	23/07/92	Nghệ An	TB Khá	TDN52-4
38	52170511	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	Nữ	18/12/91	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4
39	52170512	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/09/91	Bắc Giang	Khá	TDN52-4
40	52170527	Phạm Thị Thảo	Nguyên	Nữ	17/06/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4
41	52170528	Vòng Lũy Hoàng	Nguyên	Nam	19/10/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4
42	52170415	Phạm Thị Tuyết	Nhi	Nữ	25/11/92	LBNga	Khá	TDN52-4
43	52170535	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	30/06/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4
44	52170536	Trần Nhật	Phi	Nam	25/08/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-4
45	52170554	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	10/06/92	Khánh Hòa	TB Khá	TDN52-4
46	52170587	Trần Nguyễn Bảo	Uyên	Nữ	12/05/92	Khánh Hòa	Khá	TDN52-4

Danh sách có 46 học sinh

lmt